

Thầy Hiền “Thuốc Lào”

Hoàng Huyền



Chuông vào lớp đã dứt. Hành lang dẫn vào lớp đệ 2B4 đã vắng bóng người mà vẫn chưa thấy thầy Hiền xuất hiện. Đây là hành lang duy nhất của trường hồi còn tá túc trong mảnh đất của trường Petrus Ký, Sài Gòn. Lớp đệ 2B4 là một lớp bệ rạc nhất trong trường, nằm ở dãy nhà ngang, cùng với lớp đệ 2B5 và quán cà phê bí tắt của bác gác đàn. Kế đến là một bãi đất hoang, nơi giải quyết các mâu thuẫn nội bộ bằng tay chân mà chủ trì là Trần Lam Giang. Khách hàng thường xuyên là Nguyễn xuân Phúc (Phúc Lửa), Trần Hữu Độ (Độ Đen), Phạm Hoán (Hoán Đầu Rùa), Hoàng Cơ Định (Đình Thệt)... Mãi sau, Hoàng Cơ Định kéo Nguyễn Hoàng ra đánh Trần Lam Giang để dành chức trường trưởng. Thế là đổi chủ.

Tường bên trái che bằng tấm phen nửa rách nát để lộ các hàng kềm gai ngăn cách hai trường. Chỉ được cái dài hơn nên một phần ba lớp là các dãy bàn trống, chỗ ngủ an toàn thoải mái cho các tay mất ngủ đêm trước vì uống cà phê đậm đặc có pha muối đắng thức khuya tụng bài. Nhiều tên thích đống kịch, không học mà cũng đỡ mới hách. Tuy phòng ốc lẹp xẹp như vậy nhưng lớp lại gồm các tay Chiến, sau này khi đậu xong Tú Tài II, như là Phạm Văn Hải vào Văn Khoa, Nguyễn Tiến Dị và Ngô Thế Vinh vào Y Khoa, Hoàng Cơ Định, Đặng Xuân Hồng, Đinh Đức Mậu và Hoàng Huyền vào Khoa Học, Đinh Văn Tâm vào Kiến Trúc, Nguyễn Tranh Chiếu du học về Điện Tử, Trần Quảng Nam thụ huấn Biên Tập Viên Cảnh Sát khóa I, Quản Hùng vào Đại Học Sư Phạm, Nguyễn Ánh và Nguyễn Văn Hòa vào Dược Khoa, Phạm Quốc Tiến, Nguyễn Đình Sa vào Không Quân, Đinh mạnh Hùng vào Hải quân, Lê Duy San, Nguyễn Vũ Ban và Lã Nhật Thăng vào Luật Khoa, Nguyễn Tấn Văn V...V...

Đợi mãi rồi thầy cũng xuất hiện từ phòng giáo sư bước ra. Đầu húi cua, dong dỏng cao nhưng bề dày thì rất khiêm nhường với tay dài như tay vượn. Theo nhà tướng số bất đắc dĩ Trần Lam Giang thì đó là tướng quý đối với các bà. Chợt như quên điều gì, thầy dừng lại ngay chỗ dựng xe đạp của thầy Trần đình Ý, không biết thằng mất dạy nào đặt tên là thầy “Tu Húi” dạy Pháp văn. Thầy lôi ra một “điếu cây” đã chiến tự chế, kéo một hơi rồi nhả khói như sương mù buổi sáng. Hai mắt thầy sáng lên tinh anh và nở một nụ cười tươi như hoa. Bỗng thầy cúi xuống lấy bỏ túi một cái kẹp quần áo từ chiếc xe đạp của thầy Ý, chiếc kẹp này giữ ống quần rộng khỏi chạm vào cái xên xe đạp. Như mẫn nguyện, thầy lững thững đi vào lớp; thật chẳng coi cụ Hiệu Trưởng Trần Văn Việt và cụ Giám Học Nguyễn Hữu Văn có tí ký lô nào cả.

Theo thông lệ, nửa giờ đầu là sửa các bài tập đã chỉ định tuần trước trong cuốn LeBossé. Đây là lúc rất căng thẳng đối với các tên lười biếng với lý do rất thuyết phục là nếu siêng năng thì đã chọn ban khác rồi. Thầy Hiền chỉ kêu tình nguyện nên mọi việc diễn tiến dễ dàng và thoải mái cho cả thầy lẫn trò. Đến lúc phải lao động thì thầy cầm một cái que chọc vào tờ bìa cứng và quay tít rồi hỏi:

- Đoán coi, tao sắp giảng bài gì?

Chẳng đợi ai trả lời, thầy lại nói:

- Bài đường thẳng thẳng góc với mặt phẳng. Một đường thẳng gọi là thẳng góc với mặt phẳng khi nó vuông góc với mọi đường trong mặt phẳng.

Với chiêu số này thì tên nào dù đàn độn cách mấy cũng giác ngộ liền và nhớ mãi cho đến khi thi xong Tú Tài. Được một lúc thì thầy tỏ vẻ mệt mỏi, chắc là tới cử thuốc Lào rồi. Thầy lại hỏi:

- Tại mày thấy tao giảng có giống sách không?

Chúng tôi hiểu ý thầy đồng thanh trả lời:

- Y chang ạ!

Thầy liền phán:

- Vậy về nhà lật sách mà đọc. Tao ngừng giảng nơi đây. Cho chúng mày sinh hoạt tự do những giây phút còn lại. Nhưng không được vượt quá giới hạn vì tao thấy Thi bá Vũ hoàng Chương đương say xưa giảng Kim Vân Kiều ngay lớp IIC trước mặt.

Thầy vừa dậm chân bước khỏi lớp thì trưởng lớp Nguyễn Văn Quyên đứng bật dậy nói:

- Thưa thầy, tập kiểm tra toán tháng trước thầy hứa trả hôm nay để con có điểm vào sổ đâu rồi ạ?

Thầy liền quay lại bàn giáo sư và nói:

- Tối qua tính lấy xấp bài ra chấm thì không thấy. Có lẽ tao để đằng sau porte-bagage nó rớt mất trên đường về nhà.

Thầy giải quyết vụ này một cách đầy sáng tạo:

- Bây giờ tuân tự từng người một đứng lên khai tên và số điểm muốn có nhưng phải thành thật với chính mình.

Rồi thầy cười giả lả kể một câu chuyện về tính lơ đãng bẩm sinh của mình:

- Năm đó tao thi oral của chúng chỉ MECARAT. Tao đã giải câu hỏi và viết vào tờ giấy. Đến khi lên bảng trình bày với giáo sư Paquemen thì tao quên cả câu hỏi lẫn tờ giấy. Nói năng linh tinh kết quả mất toi một mùa hè.

Lã Nhật Thăng liền đi một đường điếu đóm:

- Thưa thầy, tính lơ đãng của thầy làm em nhớ đến câu chuyện của nhà bác học Archimede và Sức Đẩy của nước. Đương tắm trong bồn thì nhà bác học chợt giác ngộ được chân lý nên ù té chạy ra đường trong trạng thái tồng ngồng và la lên "eureka! eureka!".

Nghe thế thầy bèn tùm tùm cười với đôi mắt tinh quái tỏ vẻ cảm ơn. Học trò ban toán có tinh thần tự lập nên tự học và không đòi hỏi gì nơi thầy, chỉ mong gặp được thầy có nhân cách, học rộng và phóng khoáng. Chúng tôi lúc nào cũng kính trọng thầy.

Năm hết Tết đến, chúng tôi đến thăm thầy trước là vấn an, sau rủ thầy làm một chuyến du hành dã ngoại để hít hương đồng gió nội và thưởng thức các món ăn đồng quê. Đương lưỡng lự không biết chọn chỗ nào thì thầy gợi ý:

- Chúng mày có biết món nào dưới âm phủ không có không?

Chúng tôi liền ngộ ngay vì chợt nhớ đến hai câu về:

Sống trên đời ăn miếng đời chó.

Chết xuống âm phủ biết có hay không?

Một tên vốn nòi lãng tử học ít chơi nhiều với kiến thức rất rộng về ăn chơi liền đề nghị lên quán Nai Đồng Quê ở Thủ Đức. Thế là chúng tôi trực chỉ xa lộ Biên Hòa.

Quán Nai Đồng Quê là một căn nhà ba gian hai trái vách đất. Sát bức tường sau là một bàn thờ gia tiên ngó xuống một cái bàn dài với hai băng ghế song song. Đầu bàn là một ấm nước trà tươi bằng sành trắng men màu ngà có hoa văn màu xanh lơ đậm, đựng trong một cái giỏ mây có nhồi bông xung quanh để giữ hơi nóng. Lỏng chông đây đó là các tách trà bằng sứ cáu bản màu vàng của nước trà. Bên cạnh là một ngọn đèn dầu hôi leo lét cháy, một bó que tre lát mỏng gọi là đóm để châm lửa và một hộp thuốc lào mang nhãn hiệu bốn số "9". Trịch trọng giữa bàn là chiếc điếu "Bát" bằng sành, hình quả bầu; trên nắp là cái "nõ" điếu. "Nõ" là phần chính của điếu, mà một đầu có lỗ để nhồi thuốc lào còn đầu kia loe xuống như ống sáo lưới gà để tạo âm thanh vui tai khi hút. Bên thân có cắm sẵn một cái cần hút gọi là "xe" điếu. Trong điếu có đổ nước phân nửa nghe nói là để giảm nhiệt và lọc chất độc của khói thuốc. Tất cả đặt trong một cái bát sành nên gọi là điếu "Bát".

Nhưng chiếc điếu được chuộng hơn là điếu “Cày”. Vật dụng gồm có một ống tre, một đầu chống trên chân hai càng còn đầu kia cũng gắn một cái nõ nghiêng nghiêng với ống. điếu trông giống cái cày ruộng của các bác nông dân nên có tên là điếu “Cày”, rất dễ di chuyển. Điếu “Bát” đôi khi còn làm bằng gỗ nhưng xe điếu làm bằng cần trúc gọt tận gốc, khá dài và uốn cong cong, thường thấy ở các nhà quan lại thời xưa. Quan ngồi trên ghế tràng kỷ ngâm đầu điếu nên cần có một người giúp nhồi thuốc và châm lửa. Người này có hẳn danh là tên “điếu đóm”.

Ngoài hiên, hai bên cánh nhà có kê hai trống tre rộng để bá quan văn võ ngồi xếp bằng tròn xung quanh một cái mâm bằng thau bày đầy các đĩa thịt cây. Xen vào các chỗ trống là các cút rượu nếp than màu đen hay nếp lức màu nâu. Thịt cây và rượu nếp giao thoa cộng hưởng mới phê. Sau một tuần rượu thì khai vị bằng món thịt luộc đậm đà hơn thịt heo luộc nhiều, chấm mắm tôm chanh ớt, ăn với lá mơ và củ riềng. Tại sao ư? Đó là niềm tự hào của văn hóa ẩm thực dân ta. Món khoái khẩu nhất vẫn là “dồi” chó có đậu lạc cán nát nhồi ở trong. Cũng có người thích món chả chìa thơm lừng mùi xả xay nhuyễn hơn. Để no bụng phải đớp bún với dưa mận hay sáo măng.

Bước xuống trống tre là sân đất nện bao quanh bởi những cây cau cao vút. Ở mép sân về phía các ruộng lúa vàng xa xa là một chum xanh đựng nước mưa có cái gáo dừa vắt ngang qua. Ngay cạnh là một chậu thau đồng đặt trên một cái giá ba chân để rửa tay và lau mặt. Một làn gió thơm mùi lúa mới làm tỉnh cả người. Không phải cầu kỳ khi nói đây mới là cung cách đúng điếu để ăn thịt cây. Cái khung cảnh này làm ta nhớ đến các sinh hoạt của các cụ tổ tiên ta xưa kia thường thấy tả trong các tác phẩm Con Trâu của Trần Tiêu, Lều Trống của Ngô Tất Tố, và Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân.

Rồi cái gì phải đến đã đến. Đó là màn hoạt cảnh “hút thuốc lào”. Dĩ nhiên thầy Hiển là người khai hoả; thầy chọn một que đóm thật dài rồi trịnh trọng nhồi thuốc và đốt thuốc. Làn hơi của thầy dài khác thường nên những âm thanh “sọc, sọc, sọc...” nổ ròn tan như tràng pháo ngày tết. Như đã rồi, thầy ngửa cổ lên trần nhà và nhả ra một luồng khói như những đám mây luồn trên các đồi núi vùng Sapa. Chiêu xong một ngụm nước trà xanh thì hai mắt thầy sáng lên một cách tinh anh và nở một nụ cười đầy sáng khoái.

Một tên láu cá nào đó liền ngâm hai câu vè:

*Nhớ ai như nhớ thuốc lào.
Đã chôn điếu xuống, lại đào điếu lên.*

Chúng tôi lần lượt theo chân thầy. Có tên không quen thì ngã bật người ra. Thầy Hiển quả là bậc sư phụ danh bất hư truyền. Khi chúng tôi lấy lại được thần khí lẫn thần sắc thì nghe thấy một giọng lè nhè đề nghị:

- Chúng ta đã hạ cờ “Tây”, bây giờ theo tôi lên hò tám Thanh Thuỷ gàn chợ Thủ Đức để hạ cờ “Ta”.

Nhìn lại thì đó là một tên cà chớn nhất trong bọn, nổi tiếng với những câu vè và những câu thơ trời sầu đất thảm. Thầy liền phán:

- Chúng mày đương ngà ngà say rượu lẫn say thuốc lào, mà còn ham hố vác cày lội suối leo đèo, gặp gió chướng là khỏi ăn tết vĩnh viễn đấy.”

Thầy phán thì chúng tôi phải nghe thôi. Thế là chúng tôi lên xe ra về; lúc đó trời cũng chập choạng tối. Thật là một kỷ niệm khó quên với thầy Hiển, thầy “Hiển Thuốc Lào”.

Ghi chú: Tên thật của thầy “Hiển Thuốc Lào” là Bùi Duy Hiển; thầy đã qui tiên rồi, tôi không nhớ rõ vào năm nào.

Hoàng Huyền

Tháng 4/2009